

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 7 - 2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Thuận
2. Ông Lưu Đình Tâm

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Ông Phạm Minh Nghiêm – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 07 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 04 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị T - Sinh năm: 1994

Địa chỉ: Thôn TQ, xã TC, huyện T, tỉnh Thanh Hóa
(Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng Đ – Sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn TQ, xã TC, huyện T, tỉnh Thanh Hóa
(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/04/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TC, huyện T, Thanh Hóa vào ngày 18/02/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa, hai bên đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai nữa nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị T và anh Đ có 03 con chung là cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 26/03/2013; cháu Nguyễn Trọng Anh V, sinh ngày 24/01/2017; cháu Nguyễn Khánh A, sinh ngày 17/03/2021. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu A, giao cháu Q và cháu V cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/05/2023 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Trọng Đ trình bày:

Về hôn nhân: Tại bản tự khai ngày 09/5/2023 anh thống nhất với cô T về điều kiện kết hôn, nơi đăng ký và ngày tháng năm đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nay cô T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án anh Đ không đồng ý ly hôn do tình cảm vẫn còn và muốn gia đình đoàn tụ, con cái có bố và mẹ.

Về con chung: Anh Đ thống nhất vợ, chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 26/03/2013; cháu Nguyễn Trọng Anh V, sinh ngày 24/01/2017; cháu Nguyễn Khánh A, sinh ngày 17/03/2021. Nếu phải ly hôn anh Đ thống nhất giao cháu A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và cháu V, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản, công nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) công bố đơn xin xét xử vắng mặt của chị T.

Tại phiên tòa anh Đ vẫn giữ nguyên ý kiến của mình như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Trương Thị T được ly hôn anh Nguyễn Trọng Đ. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 26/03/2013; cháu Nguyễn Trọng Anh V, sinh ngày 24/01/2017 anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Khánh A, sinh ngày 17/03/2021 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, bị đơn là anh Nguyễn Trọng Đ đang cư trú tại Thôn TQ, xã TC, huyện T,

tỉnh Thanh Hoá nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Do trong vụ án có con chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương để xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ, đồng thời thông báo cho các đương sự được biết về việc Tòa án đã thu thập được tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tuy nhiên chị T và anh Đ không thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt chị T.

[2]. Về hôn nhân: Chị T và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TC, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 18/02/2013. Việc đăng ký kết hôn của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình, quan điểm, cách sống của vợ, chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai nữa. Điều này cũng phù hợp với kết quả mà Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ. Anh Đ không đồng ý ly hôn do tình cảm vẫn còn và muốn gia đình đoàn tụ, con cái có bố và mẹ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án chị T cương quyết muốn ly hôn với anh Đ, tại phiên tòa chị T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến của mình, thể hiện chị T không còn mong muốn hàn gắn tình cảm với anh Đ nữa. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ, chồng giữa chị T và anh Đ đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, hiện nay anh, chị cũng đã sống ly thân. Do đó nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh Đ.

[3]. Về con chung: Chị T và anh Đ có 03 con chung là cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 26/03/2013; cháu Nguyễn Trọng Anh V, sinh ngày 24/01/2017; cháu Nguyễn Khánh A, sinh ngày 17/03/2021. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu A, giao cháu Q và cháu V cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Đ cũng thống nhất giao cháu A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và cháu V, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Kể từ khi chị T và anh Đ sống ly thân cháu A sống với chị T, cháu Q và cháu V sống với anh Đ. Tòa án cũng đã tiến hành lấy ý kiến ý của cháu Q, cháu Q trình bày nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng muốn ở với anh Đ. Để đảm bảo quyền và lợi ích tốt nhất cho các cháu, tránh sự xáo trộn về cuộc sống, học tập và sinh hoạt cũng như ý chí, nguyện vọng của anh Đ, chị T. HĐXX nhận thấy nên chấp nhận yêu cầu của chị T.

[4]. Về tài sản, công nợ chung: Chị T, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS; Điều 6, khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị T được ly hôn anh Nguyễn Trọng Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 26/03/2013; cháu Nguyễn Trọng Anh V, sinh ngày 24/01/2017 anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Khánh A, sinh ngày 17/03/2021 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị T, anh Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai số AA/2021/0008025 ngày 19/04/2023, chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị T, có mặt anh Đ. Anh Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã TC;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Quân